

Số: 1654/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách cán bộ đủ điều kiện giải quyết chế độ
theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Công văn số 9371/BTC-NSNN ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính về việc thông báo kết quả thẩm định nhu cầu và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2017;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 1029/SNV-XDCQ&CTTN ngày 29/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách cán bộ không đủ tuổi tái cử, đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu năm 2017 và năm 2018 theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ gồm 12 ông (bà):

- Kinh phí chi trả 07 ông (bà) nghỉ hưu trước tuổi là 674.463.000 đồng;
- Kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng chờ giải quyết chế độ hưu 05 ông (bà) là 286.641.000 đồng;

Tổng cộng 961.104.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi một triệu, một trăm linh bốn nghìn đồng chẵn*).

(*Có danh sách kèm theo*)

Điều 2. Giao Sở Nội vụ phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang giải quyết chế độ hưu trí theo quy định, đảm bảo chế độ lương hưu của cán bộ được hưởng kể từ khi nghỉ công tác. Sở Tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cán bộ nghỉ chế độ đảm bảo theo quy định.


Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Động, Việt Yên, Yên Dũng, Yên Thế, Lục Ngạn và cơ quan, đơn vị có liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./. *ll*

Nơi nhận: *ll*

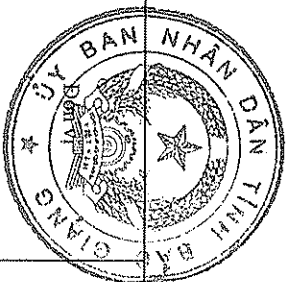
- Cá nhân;
- BTC Tỉnh ủy, LĐLĐ tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

Bản điện tử:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh.
- LĐVP, TH.

CHỦ TỊCH

ll
Nguyễn Văn Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG



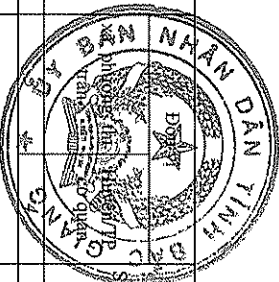
TỜNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ CẤP XÃ NGHỈ CHỜ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2015/NĐ-CP NGÀY 09/3/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của CT. UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Xã	Huyện	Số sổ BHXH	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ trước khi nghỉ việc	Thời điểm tính gián biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời gian đóng BHXH trước khi nghỉ việc	Mức lương, phụ cấp hưởng trước khi nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu	Thời gian được hưởng nguyên lương và đóng tiếp BHXH, BHYT (tháng)	Thời điểm đủ điều kiện hưởng chế độ hưu	Dự trữ kinh phí trả cho cán bộ trong thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu	Ghi chú
					Nam	Nữ									
1	Nguyễn Ngọc Thanh	xã Dương Hưu	Sơn Đông	8403005014	12/10/1959		Chủ tịch Hội Nông dân	01/04/2018	58T6Th	22N6T	4.303	19	01/11/2019	81.757	
2	Đặng Văn Biên	xã Bích Động	Việt Yên	8403003992	18/04/1959		Chủ tịch Hội Nông dân	01/5/2018	59T	19N8T	3.913	12	01/5/2019	46.956	
3	Đỗ Văn Vân	xã Hoàng Ninh	Việt Yên	8406003295	07/03/1959		Chủ tịch Hội Nông dân	01/5/2018	59T	26N6T	4.134	11	01/4/2019	45.474	
4	Phú Thanh Tuyết	xã Tân Liễu	Yên Dũng	8407004455	12/10/1959		Chủ tịch Hội Nông dân	01/5/2018	58T6Th	19N8T	4.401	18	01/11/2019	79.218	
5	Lại Xuân Nam	xã Đức Giang	Yên Dũng	8405000527	04/10/1958		Chủ tịch Hội Nông dân	01/4/2018	59T5Th	21N10T	4748	7	01/11/2018	33236	
	TỔNG CỘNG													286.641	

Danh sách có 05 người.

ĐVT: nghìn đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG



TỜNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ
NGHĨ HỮU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2015/NĐ-CP NGÀY 09/3/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 4554/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của CT. UBND tỉnh)

DVT: Nghìn đồng

ST T	Họ và tên	Số số BHXH	Thăng, năm sinh		Chức vụ trước khi nghỉ việc	Thời điểm tính gần biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gần biên chế	TĐ đóng BHXH		Tổng lương bình quân 5 năm cuối trước khi nghỉ việc	Số năm về hưu trước tuổi (năm)	Trợ cấp tính theo thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp cho 20 năm đầu có đóng BHXH	Trợ cấp từ năm thứ 21 trở đi có đóng BHXH	Tổng số tiền trợ cấp được nhận	Ghi chú
			Nam	Nữ				Thực tế	Làm tròn							
1	Giáp Văn Cứ	2196041913	15/11/1958		Phó Chủ tịch Công đoàn giáo dục tỉnh	01/12/2017	59 tuổi	38N3T	38,5N	10.101	1	30.303	50.505	93.434	174.242	
2	Nguyễn Ngọc Việt	2196040142	04/05/1959		Phó Chủ tịch LELLD	01/05/2018	58 tuổi 11 tháng	39N6T	39,5N	10.512	1N1T	31.536	52.560	102.492	186.588	
3	Đào Thị Thủy	2196034156		5/6/1964	Chủ tịch Công đoàn viện chức tỉnh	01/02/2018	53 tuổi 9 tháng	31N6T	31,5N	7.943	1N3T	35.744	39.715	45.672	121.131	
4	Trần Ngọc Hải	8400000956	03/04/1959		Chủ tịch Hội Nông dân	01/05/2018	59 tuổi	24N5T	24,5N	3.851	1N	11.553	19.255	8.665	39.473	
5	Trần Văn Hán	8400000775	20/06/1960		Chủ tịch Hội Nông dân	01/04/2018	57 tuổi 9 tháng	23N7T	24N	3.577	2N3T	26.827	17.885	7.154	51.866	
6	Đỗ Mạnh Toàn	8400002209	07/03/1959		Chủ tịch Hội Nông dân	01/04/2018	59 tuổi	29N3T	29,5N	4.375	1N	13.125	21.875	20.781	55.781	
7	Phạm Đình Khanh	xã Thanh Hải	05/12/1959		Chủ tịch Hội Nông dân xã Thanh Hải	01/04/2018	58 tuổi 02 tháng	23N02T	23,5N	3.631	1N10T	21.783	18.153	5.446	45.382	
Tổng cộng:															674.463	

Danh sách có 07 người